

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Chương	Phó Chủ tịch	(Đến ngày 05 tháng 6 năm 2016)
	Thành viên	(Từ ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Hồ Quốc Phi	Thành viên	
Ông Ngô Hữu Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Bà Đoàn Bích Hạnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Mai Hoàng Sơn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hồ Quốc Phi	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016)
Ông Hồ Chương	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2017)
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016)
Ông Hồ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2016)
		(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2016)
Ông Vũ Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



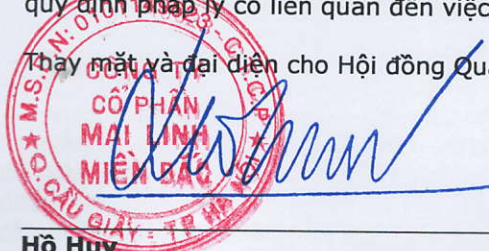
Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Hồ Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đại diện theo Pháp luật

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Số: *783* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Công ty liên kết của Công ty) với số tiền 38.511.628.581 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư với số tiền là 40.488.371.419 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị của khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 vì chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế cần thiết. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản phải thu khác Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh với số tiền là 333.124.084.880 VND. Ban Tổng Giám đốc chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi công nợ đối với khoản phải thu khác nêu trên và chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các bên liên quan ký các hợp đồng mua bán cổ phần với một cá nhân. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo này, sổ đăng ký cổ đông của Công ty không thể hiện sự thay đổi về cổ đông liên quan tới giao dịch này. Công ty đã nhận được Thông báo số 114/TB-TLVA ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án liên quan đến tranh chấp phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện nêu trên. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1472-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		619.945.242.713	668.343.669.671
I. Tiền	110		16.591.535.553	21.770.025.640
1. Tiền	111	5	16.591.535.553	21.770.025.640
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		695.461.752	658.039.195
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	346.000.000	346.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6	(304.000.000)	(304.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	653.461.752	616.039.195
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		571.823.832.747	604.122.383.914
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	70.428.614.089	60.077.951.994
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.235.758.340	8.254.437.331
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	14.650.000.000	17.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	520.645.953.437	559.168.696.949
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(41.136.493.119)	(41.028.702.360)
IV. Hàng tồn kho	140	11	8.017.054.971	8.654.380.048
1. Hàng tồn kho	141		8.156.629.108	8.654.380.048
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(139.574.137)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.817.357.690	33.138.840.874
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	15.112.824.178	14.794.733.251
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.713.433.938	17.667.069.713
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	991.099.574	677.037.910

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.685.844.343.132	1.708.649.894.628
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		77.543.127.734	80.270.923.933
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	53.103.000.000	53.103.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	24.440.127.734	27.167.923.933
II. Tài sản cố định	220		1.312.435.268.146	1.325.669.173.876
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.294.460.165.019	1.313.308.433.007
- Nguyên giá	222		2.343.509.153.983	2.128.499.350.765
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.049.048.988.964)	(815.190.917.758)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	17.439.233.058	11.808.081.132
- Nguyên giá	225		18.718.318.170	32.555.964.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.279.085.112)	(20.747.882.919)
3. Tài sản cố định vô hình	227		535.870.069	552.659.737
- Nguyên giá	228		750.483.552	750.483.552
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(214.613.483)	(197.823.815)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	174.515.456.871	178.481.717.259
- Nguyên giá	231		198.313.019.200	198.313.019.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.797.562.329)	(19.831.301.941)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.801.616.825	18.000.042.139
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		25.801.616.825	18.000.042.139
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		57.057.628.581	57.057.628.581
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	38.511.628.581	38.511.628.581
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	18.546.000.000	18.546.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		38.491.244.975	49.170.408.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	30.504.497.812	37.059.729.527
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.704.206.987	1.814.166.745
3. Lợi thế thương mại	269	17	5.282.540.176	10.296.512.568
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.305.789.585.845	2.376.993.564.299

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.748.684.904.488	1.816.586.078.296
I. Nợ ngắn hạn	310		515.338.008.265	576.031.049.953
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	54.077.261.800	70.415.251.549
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.685.276.735	1.123.358.286
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	17.614.984.798	8.378.645.810
4. Phải trả người lao động	314		24.895.972.729	24.293.663.946
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	11.903.230.613	12.569.221.357
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		427.436.559	743.343.951
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	137.974.164.847	186.576.420.277
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	261.869.095.633	265.593.310.992
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.890.584.551	6.337.833.785
II. Nợ dài hạn	330		1.233.346.896.223	1.240.555.028.343
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	6.663.627
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		360.000.000	370.670.825
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	20	338.191.477	343.252.355
4. Phải trả dài hạn khác	337	21	902.427.167.476	906.083.042.301
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	330.221.537.270	333.751.399.235
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		557.104.681.357	560.407.486.003
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	557.104.681.357	560.407.486.003
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.253.320.000	486.253.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		486.253.320.000	486.253.320.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.477.676.161	32.800.676.811
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.964.149.599	44.274.481.407
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.726.699.623	15.546.544.717
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		23.237.449.976	28.727.936.690
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.009.535.597	9.679.007.785
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.305.789.585.845	2.376.993.564.299

Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu

Vũ Hoài Đức
Phó Tổng Giám đốc/
Kế toán trưởng

Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.119.972.519.933	1.075.929.071.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.119.972.519.933	1.075.929.071.123
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.012.814.173.822	965.540.249.521
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		107.158.346.111	110.388.821.602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	17.384.719.556	32.954.554.854
7. Chi phí tài chính	22	30	57.970.130.433	52.080.838.361
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.932.838.525	52.023.268.921
8. Chi phí bán hàng	25	31	21.089.875.674	19.024.576.512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	90.046.246.051	85.568.883.962
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(44.563.186.491)	(13.330.922.379)
11. Thu nhập khác	31	33	85.580.208.904	64.558.972.313
12. Chi phí khác	32	34	7.044.628.757	7.616.778.425
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		78.535.580.147	56.942.193.888
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		33.972.393.656	43.611.271.509
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	9.526.039.926	10.018.881.289
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	(890.040.242)	3.911.599.114
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25.336.393.972	29.680.791.106
17.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		23.237.449.976	28.727.936.690
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.098.943.996	952.854.416
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	491	543


Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu


Vũ Hoài Đức
Phó Tổng Giám đốc/
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.972.393.656	43.611.271.509
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	351.799.787.110	282.681.780.513
Các khoản dự phòng	03	107.790.759	1.877.913.144
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(36.485.761.576)	(46.942.448.477)
Chi phí lãi vay	06	57.932.838.525	52.023.268.921
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	407.327.048.474	333.251.785.610
Thay đổi các khoản phải thu	09	45.872.192.382	(76.918.875.245)
Thay đổi hàng tồn kho	10	637.325.077	891.435.901
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(50.329.277.998)	150.578.089.442
Thay đổi chi phí trả trước	12	6.237.140.788	(6.437.745.210)
Tiền lãi vay đã trả	14	(56.769.149.434)	(51.635.842.041)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.464.123.541)	(17.081.426.070)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	134.884.216	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.843.249.234)	(25.756.028.503)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	339.802.790.730	306.891.393.884
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(427.168.971.568)	(572.631.970.340)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	94.976.003.717	97.458.192.307
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.422.557)	(37.885.061)
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.478.834.681	12.753.628.483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(327.751.555.727)	(462.458.034.611)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	398.163.297.948	519.829.736.942
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(396.743.208.630)	(367.199.590.854)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8.674.166.642)	(23.211.956.799)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.975.647.766)	(16.557.927.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.229.725.090)	112.860.261.956
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(5.178.490.087)	(42.706.378.771)
Tiền đầu năm	60	21.770.025.640	64.476.404.411
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	16.591.535.553	21.770.025.640


Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu


Vũ Hoài Đức
Phó Tổng Giám đốc/
Kế toán trưởng


Hỗ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000336 ngày 14 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014 là 486.253.320.000 VND.

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc là công ty đại chúng.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.919 (31 tháng 12 năm 2015: 6.769).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Giáo dục khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn, chuyên doanh khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc tại số 192 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Nhuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	75%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	95%	95%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	87%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	96%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	100%	Dịch vụ taxi

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	36,37%	Dịch vụ taxi

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 09
Xe hợp tác kinh doanh	06 - 09
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

	Năm nay (Số năm)
Phương tiện vận tải	06 - 09

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh và lô đất tại phường An Lạc, quận Tân Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước trả trước

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí thuê nhãn hiệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh trong 15 năm với tổng số tiền 51.636.363.636 VND. Chi phí thuê nhãn hiệu trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trên thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận các khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ phát sinh lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 do khả năng có lãi trong các năm tiếp theo để bù đắp là không chắc chắn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.542.860.175	730.451.926
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.048.675.378	21.039.573.714
	16.591.535.553	21.770.025.640

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	653.461.752	-	616.039.195	-
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	653.461.752	-	616.039.195	-
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.546.000.000	-	18.546.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	16.626.000.000	-	16.626.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long (*)	1.920.000.000	-	1.920.000.000	-

(*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, Công ty chưa xác định được có cần thiết phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư nêu trên hay không.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị nhận đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán làm cơ sở đánh giá nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Các giao dịch, số dư trọng yếu giữa Công ty và các bên liên quan trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 38 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland	2.803.811.513	19.813.538.120
Các khách hàng khác	67.624.802.576	40.264.413.874
	70.428.614.089	60.077.951.994

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	5.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	3.500.000.000
	14.650.000.000	17.650.000.000
b. Cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
Vay cá nhân dài hạn	4.888.000.000	4.888.000.000
	53.103.000.000	53.103.000.000
Trong đó		
Các khoản phải thu về cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	62.865.000.000	65.865.000.000

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu các đơn vị trong cùng tập đoàn Mai Linh (i)	398.976.134.054	401.262.076.386
- Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh (ii)	85.681.952.559	98.244.037.274
- Phải thu người lao động (iii)	8.525.054.684	6.238.165.405
- Phải thu thuế được hoàn (iv)	-	3.481.207.326
- Tạm ứng	4.303.735.757	11.771.257.799
- Ký cược, ký quỹ	617.087.400	1.348.693.120
- Phải thu khác	22.541.988.983	36.823.259.639
	520.645.953.437	559.168.696.949
b. Dài hạn		
- Phải thu người lao động	2.500.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	21.940.127.734	27.167.923.933
	24.440.127.734	27.167.923.933
Trong đó		
Các khoản phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	398.976.134.054	401.262.076.386

- (i) Số phải thu các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh chủ yếu liên quan đến nghiệp vụ các đơn vị nhờ thu hộ tiền thẻ taxi MCC và các nghiệp vụ mua bán tài sản cố định, vật tư, sửa chữa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi công nợ đối với khoản phải thu khác Công ty Cổ phần Tập Đoàn Mai Linh với số tiền là 333.124.084.880 VND. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần trích lập dự phòng nếu có cho khoản phải thu này.

- (ii) Phản ánh số tiền phải thu chủ đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh trong thời hạn 01 năm.
- (iii) Phản ánh số phải thu cước taxi và các khoản phải thu khác từ người lao động.
- (iv) Phản ánh số tiền thuế được hoàn theo Biên bản Thanh tra thuế giai đoạn 2010 - 2014.

10. NỢ XẤU

Đối tượng	Giá gốc	Số cuối năm	Giá gốc	Số đầu năm
		VND Giá trị có thể thu hồi		VND Giá trị có thể thu hồi
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.445.308.556	569.759.147	21.025.699.409	150.150.000
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	569.759.147	569.759.147	150.150.000	150.150.000
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	20.875.549.409	-	20.875.549.409	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	10.637.024.788	1.102.878.479	10.652.024.788	1.117.878.479
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	1.102.878.479	1.102.878.479	1.117.878.479	1.117.878.479
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	9.534.146.309	-	9.534.146.309	-
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	-	4.983.833.034	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	4.983.833.034	-	4.983.833.034	-
Đối tượng khác	6.334.382.305	591.417.938	6.226.591.546	591.417.938
	43.400.548.683	2.264.055.564	42.888.148.777	1.859.446.417

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.090.433.459	(139.574.137)	6.695.627.179	-
Công cụ dụng cụ	464.637.791	-	341.848.503	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	62.413.863	-	60.040.182	-
Thành phẩm	897.467.965	-	804.695.275	-
Hàng hóa	252.611.353	-	43.050.101	-
Hàng gửi bán	389.064.677	-	709.118.808	-
	8.156.629.108	(139.574.137)	8.654.380.048	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm rủi ro tài sản	9.155.595.345	9.807.935.379
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.957.228.833	4.986.797.872
	15.112.824.178	14.794.733.251
b) Dài hạn		
Chi phí thuê nhãn hiệu	16.934.848.482	20.377.272.724
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, công cụ dụng	6.475.855.756	6.885.598.262
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.093.793.574	9.796.858.541
	30.504.497.812	37.059.729.527

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Xe hợp tác kinh doanh	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
SỐ dư đầu năm	62.998.510.413	2.238.135.992	1.033.536.104.151	1.026.336.298.367	2.406.444.228	983.857.614	2.128.499.350.765
Mua sắm mới	4.638.360.269	188.833.965	351.684.128.045	12.606.200.195	32.450.000	114.837.500	369.264.809.974
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.259.345.400	196.000.001	-	-	-	-	4.455.345.401
Phân loại lại tài sản cố định thuế tài chính	-	-	13.637.399.996	15.669.007.096	-	-	29.306.407.092
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(232.299.045.804)	232.299.045.804	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(136.281.430)	-	(75.137.154.672)	(112.706.653.147)	(36.670.000)	-	(188.016.759.249)
SỐ dư cuối năm	71.759.934.652	2.622.969.958	1.091.421.431.716	1.174.203.898.315	2.402.224.228	1.098.695.114	2.343.509.153.983

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

SỐ dư đầu năm	11.840.135.422	2.190.431.496	222.268.989.159	576.169.008.780	2.052.334.976	670.017.925	815.190.917.758
Trích khấu hao trong năm	3.092.486.995	134.812.552	163.006.713.411	172.195.716.476	257.436.757	148.072.038	338.835.238.229
Phân loại lại tài sản cố định thuế tài chính	-	-	6.077.902.952	14.273.280.568	-	-	20.351.183.520
Phân loại lại tài sản cố định	2.291.667	-	-	-	(2.291.667)	-	-
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(80.513.817.496)	80.513.817.496	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(136.281.430)	-	(34.732.868.200)	(90.306.279.041)	(36.670.000)	-	(125.212.098.671)
Giảm khác	-	-	(116.251.872)	-	-	-	(116.251.872)
SỐ dư cuối năm	14.798.632.654	2.325.244.048	275.990.667.954	752.845.544.279	2.270.810.066	818.089.963	1.049.048.988.964

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	51.158.374.991	47.704.496	811.267.114.992	450.167.289.587	354.109.252	313.839.689	1.313.308.433.007
Tại ngày cuối năm	56.961.301.998	297.725.910	815.430.763.762	421.358.354.036	131.414.162	280.605.151	1.294.460.165.019

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải và xe hợp tác kinh doanh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 917.306.770.730 VND (31 tháng 12 năm 2015: 809.603.752.973 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 64.037.206.601 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 12.451.381.266 VND).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	32.555.964.051
Thuê tài chính trong năm	18.718.318.175
Chuyển sang TSCĐHH	(29.306.407.092)
Thanh lý, nhượng bán	(3.249.556.964)
Số dư cuối năm	18.718.318.170
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	20.747.882.919
Trích khấu hao trong năm	3.967.526.433
Chuyển sang TSCĐHH	(20.351.183.520)
Thanh lý, nhượng bán	(3.085.140.720)
Số dư cuối năm	1.279.085.112
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	11.808.081.132
Tại ngày cuối năm	17.439.233.058

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà xưởng và quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	198.313.019.200
Số dư cuối năm	198.313.019.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	19.831.301.941
Trích khấu hao trong năm	3.966.260.388
Số dư cuối năm	23.797.562.329
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	178.481.717.259
Tại ngày cuối năm	174.515.456.871

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 174.515.456.871 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 178.481.717.259 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 3.966.260.388 VND (năm 2015: 3.966.260.388 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

	Giá trị còn lại	
	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, TP. Hồ Chí Minh	56.977.904.875	58.272.857.259
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	117.537.551.996	120.208.860.000
	174.515.456.871	178.481.717.259

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (*)	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	36,37%	Dịch vụ taxi

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, là công ty liên kết của Công ty với số tiền 38.511.628.581 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư với số tiền là 40.488.371.419 VND dựa trên báo cáo tài chính riêng chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần điều chỉnh nếu có cho khoản đầu tư nêu trên.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 38 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	65.196.565.000
Số dư cuối năm	65.196.565.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	54.900.052.432
Trích khấu hao trong năm	5.013.972.392
Số dư cuối năm	59.914.024.824
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	10.296.512.568
Tại ngày cuối năm	5.282.540.176

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Ô tô Thành Công Đông Anh	8.198.000.000	11.162.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ số Toàn Cầu	2.721.832.028	-
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	9.400.000.000	22.149.000.000
Công ty TNHH Toyota Long Biên	-	10.960.500.000
Công ty Cổ phần Toyota Vinh	-	3.832.150.000
Tổng công ty Xây dựng Thanh Hoá	1.022.903.000	1.372.903.000
Khác	32.734.526.772	20.938.698.549
	54.077.261.800	70.415.251.549
Trong đó		
Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	3.419.300.000	-

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	582.574.040	628.025.264	248.592.390	962.006.914
Các loại thuế khác	94.463.870	29.092.660	94.463.870	29.092.660
Cộng	677.037.910	657.117.924	343.056.260	991.099.574
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	973.782.536	88.017.123.785	80.069.846.272	8.921.060.049
- Thuế GTGT đầu ra	973.782.536	88.017.123.785	80.069.846.272	8.921.060.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.623.961.399	9.526.039.926	8.027.531.109	7.122.470.216
Tiền thuế đất	377.946	527.857.946	528.235.892	-
Các loại thuế khác	1.780.523.929	13.684.440.316	13.893.509.712	1.571.454.533
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	845.437.895	2.718.401.427	2.835.472.900	728.366.422
Thuế khác	935.086.034	10.953.038.889	11.045.036.812	843.088.111
Cộng	8.378.645.810	111.755.461.973	102.519.122.985	17.614.984.798

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	3.863.364.374	5.021.992.587
Trích trước chi phí tiền lương	5.626.127.099	5.764.743.175
Các khoản khác	2.413.739.140	1.782.485.595
	11.903.230.613	12.569.221.357
b) Dài hạn		
Lãi vay phải trả	338.191.477	343.252.355
	338.191.477	343.252.355

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả các đơn vị khác trong Tập đoàn	16.895.712.006	58.322.140.252
Các khoản thu chi hộ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.651.957.684	35.586.348.905
Phải trả cổ tức	10.533.552.175	23.015.706.107
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	29.020.561.474	24.083.171.537
Phải trả khác cán bộ, nhân viên	1.349.437.045	512.298.864
Phải trả thẻ MCC	6.375.174.601	5.592.358.629
Nhà thầu cung cấp cho TeLin Vạn Hương	1.794.802.854	1.881.875.161
Bảo hiểm xã hội, y tế	5.231.035.562	5.019.772.148
Khác	35.121.931.446	32.562.748.674
	137.974.164.847	186.576.420.277
b) Dài hạn		
Góp vốn xe hợp tác kinh doanh (i)	829.536.944.563	807.802.284.636
Khách hàng đặt cọc mở thẻ MCC, thuê xe	17.878.013.256	45.643.196.198
Đặt cọc của lái xe	55.012.209.657	52.637.561.467
	902.427.167.476	906.083.042.301
Trong đó		
Các khoản phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	16.895.712.006	58.322.140.252

- (i) Phản ánh số tiền nhận góp vốn dài hạn từ bên tham gia hợp tác kinh doanh để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi trên xe hợp tác kinh doanh. Số tiền này sẽ được trừ dần với phí sử dụng tài sản theo quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (i)	13.593.153.423	13.593.153.423	86.447.906.905	81.143.899.734	18.897.160.594	18.897.160.594
Nợ dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	177.924.221.350	177.924.221.350	200.967.264.845	184.755.632.716	194.135.853.479	194.135.853.479
Nợ dài hạn cá nhân đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	71.596.336.211	71.596.336.211	54.061.147.407	79.762.602.058	45.894.881.560	45.894.881.560
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	2.479.600.008	2.479.600.008	6.245.210.659	5.783.610.667	2.941.200.000	2.941.200.000
	265.593.310.992	265.593.310.992	347.721.529.816	351.445.745.175	261.869.095.633	261.869.095.633

(i) Vay ngắn hạn bao gồm vay ngắn hạn ngân hàng và vay ngắn hạn cá nhân, trong đó:

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất dao động theo từng ngân hàng, thả nổi có điều chỉnh hoặc thay đổi theo từng lần rút vốn. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Các khoản vay ngắn hạn cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 0,62% đến 1,083%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0,62% đến 1,34%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỄN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng (*)	493.760.879.713	493.760.879.713	224.044.227.253	233.963.990.618	483.841.116.348	483.841.116.348
Vay dài hạn cá nhân (**)	87.238.110.449	87.238.110.449	58.997.158.007	70.362.512.495	75.872.755.961	75.872.755.961
Nợ thuê tài chính dài hạn (***)	4.752.566.642	4.752.566.642	17.401.200.000	8.674.166.642	13.479.600.000	13.479.600.000
Cộng	585.751.556.804	585.751.556.804	300.442.585.260	313.000.669.755	573.193.472.309	573.193.472.309
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	252.000.157.569				242.971.935.039	
Số phải trả sau 12 tháng	333.751.399.235				330.221.537.270	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(*) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (i)	15.897.733.321	22.117.733.325
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1	8.732.338.000	12.911.380.543
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	54.553.124.522	41.306.456.522
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (iii)	41.339.205.000	38.220.835.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh (iv)	14.885.250.000	19.724.414.900
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (v)	17.589.000.000	19.681.766.446
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	10.037.000.000	20.593.333.333
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	11.186.240.000	8.686.920.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (vi)	27.410.000.000	20.225.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (vii)	22.274.675.695	32.490.675.695
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (viii)	32.379.000.000	6.860.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng (ix)	17.464.720.000	23.518.758.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (x)	15.925.500.000	9.493.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang	9.550.749.996	9.702.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (xi)	22.652.875.000	19.759.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	8.240.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	12.233.750.000	16.433.492.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	18.561.500.000	15.299.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	8.628.250.000	7.413.250.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	9.534.000.000	5.322.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	8.740.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình	9.695.900.000	-
Khác (xii)	86.330.304.814	126.001.863.949
	483.841.116.348	493.760.879.713

Các khoản vay ngân hàng cho mục đích mua tài sản cố định và được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Cụ thể các khoản vay trọng yếu như sau:

- (i) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 48 đến 51 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 48 đến 54 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Gốc vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân.
- (iii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 48 đến 60 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Gốc vay này được trả 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân.
- (iv) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn 60 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Gốc vay này được trả 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân.
- (v) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng. Lãi suất cho vay của khoản vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Gốc vay này được trả 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân.
- (vi) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn và được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên mỗi quý trong năm khi có biến động lãi suất trên thị trường theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (vii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 36 đến 60 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (viii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn 36 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (ix) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn 48 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn và được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên mỗi quý trong năm khi có biến động lãi suất trên thị trường theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.

- (x) Các khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Hải Dương bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn 48 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Gốc vay này được trả 1 tháng một lần kể từ ngày giải ngân.
- (xi) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 46 tháng đến 48 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Gốc vay này được trả 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân.
- (xii) Các khoản vay khác có thời hạn từ 36 đến 60 tháng, lãi suất dao động theo từng ngân hàng, thả nổi có điều chỉnh hoặc thay đổi theo từng lần rút vốn. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho những khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	194.135.853.479	177.924.221.350
Trong năm thứ hai	172.154.455.752	166.617.819.669
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	117.550.807.117	149.218.838.694
	483.841.116.348	493.760.879.713
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	194.135.853.479	177.924.221.350
Số phải trả sau 12 tháng	289.705.262.869	315.836.658.363

(**) Các khoản vay cá nhân có thời hạn từ 13 đến 24 tháng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lãi suất từ 0,7%/tháng đến 0,84%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0,62%/tháng đến 1,34%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay cá nhân dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	45.894.881.560	71.596.336.211
Trong năm thứ hai	29.977.874.401	15.641.774.238
	75.872.755.961	87.238.110.449
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	45.894.881.560	71.596.336.211
Số phải trả sau 12 tháng	29.977.874.401	15.641.774.238

(***) Thông tin chi tiết các khoản nợ dài hạn thuê tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	13.479.600.000	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	4.752.566.642
	13.479.600.000	4.752.566.642

- (i) Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01.035/2016/TSC-CTTC từ ngày 24 tháng 6 năm 2016 đến ngày 24 tháng 6 năm 2021 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 20.265.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất cho thuê cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản nợ dài hạn thuê tài chính này có dư nợ gốc vay là 13.479.600.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.

Các khoản nợ dài hạn thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính		
Trong vòng một năm	2.941.200.000	2.479.600.008
Trong năm thứ hai	2.941.200.000	2.272.966.634
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	7.597.200.000	-
	13.479.600.000	4.752.566.642
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	2.941.200.000	2.479.600.008
Số phải trả sau 12 tháng	10.538.400.000	2.272.966.634

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	486.253.320.000	(12.600.000.000)	27.800.676.811	50.291.182.049	9.790.521.652	561.535.700.512
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	28.727.936.690	952.854.416	29.680.791.106
Hoàn nhập cổ tức cổ phiếu quỹ	-	-	-	630.000.000	-	630.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.681.511.551)	(143.530.767)	(6.825.042.318)
Chia cổ tức	-	-	-	(23.682.666.000)	(920.090.000)	(24.602.756.000)
Khác	-	-	-	(10.459.781)	(747.516)	(11.207.297)
Số dư đầu năm nay	486.253.320.000	(12.600.000.000)	32.800.676.811	44.274.481.407	9.679.007.785	560.407.486.003
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.237.449.976	2.098.943.996	25.336.393.972
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(23.682.666.000)	(1.695.416.834)	(25.378.082.834)
Khác	-	-	(323.000.650)	134.884.216	(72.999.350)	(261.115.784)
Số dư cuối năm nay	486.253.320.000	(12.600.000.000)	32.477.676.161	40.964.149.599	10.009.535.597	557.104.681.357

(i) Trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 06 tháng 6 năm 2016 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	48.625.332	48.625.332
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	1.260.000	1.260.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	47.365.332	47.365.332
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Vốn góp của chủ sở hữu:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 486.253.320.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2014. Tổng số lượng cổ phiếu dự định phát hành là 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 686.253.320.000 VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	100	16.378
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nợ khó đòi đã xử lý (i)	211.850.533	211.850.533
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Nhôm Yeh Young Việt Nam	112.077.820	112.077.820
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	69.511.470	69.511.470
Ông Tô Thường	29.712.000	29.712.000
Ông Võ Tuấn Dũng	549.243	549.243
	211.850.533	211.850.533

- (i) Các khoản nợ khó đòi đã xử lý theo phê duyệt của Ban Tổng Giám đốc do các đối tượng nêu trên không có thông tin liên lạc.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	899.555.268.956	816.018.435.198
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	31.138.358.661	12.830.681.150
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	22.270.284.650	16.610.974.608
Doanh thu nhượng bán tài sản, vật tư	26.269.740.686	100.698.922.697
Doanh thu cho thuê tài sản	62.997.037.769	74.397.317.151
Doanh thu dịch vụ khác	77.741.829.211	55.372.740.319
	1.119.972.519.933	1.075.929.071.123
Trong đó:		
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	247.059.525.114	94.823.527.059

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ taxi	846.610.377.709	764.904.619.394
Giá vốn dịch vụ xe cho thuê	25.082.731.782	12.068.462.332
Giá vốn dịch vụ sửa chữa	13.696.623.508	9.154.324.650
Giá vốn nhượng bán tài sản, vật tư	23.906.794.541	96.467.513.767
Giá vốn cho thuê tài sản	47.644.046.322	47.111.994.824
Giá vốn dịch vụ khác	55.873.599.960	35.833.334.554
	1.012.814.173.822	965.540.249.521

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	185.646.951.797	223.392.548.953
Chi phí nhân công	440.983.105.639	383.486.389.323
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí lợi thế thương mại	347.833.526.722	278.715.520.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.763.633.799	65.361.513.082
Chi phí khác bằng tiền	57.628.743.189	20.578.898.693
Chi phí dự phòng	187.539.860	2.131.326.052
	1.100.043.501.006	973.666.196.228

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.478.834.681	12.753.628.483
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	14.757.013.000
Khác	12.905.884.875	5.443.913.371
	17.384.719.556	32.954.554.854

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay, thuê tài chính	57.932.838.525	52.023.268.921
Khác	37.291.908	57.569.440
	57.970.130.433	52.080.838.361

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí nhãn hiệu (i)	3.455.283.825	3.403.424.242
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	4.139.181.379	3.720.786.531
Chi phí nhân công	5.967.631.865	4.356.418.156
Các khoản khác	7.527.778.605	7.543.947.583
	21.089.875.674	19.024.576.512

(i) Chi phí nhãn hiệu phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	54.884.766.474	50.564.542.480
Chi phí lợi thế thương mại	5.013.972.392	5.013.972.389
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	4.045.210.934	5.272.505.983
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	47.965.723	2.131.326.052
Các khoản khác	26.054.330.528	22.586.537.058
	90.046.246.051	85.568.883.962

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	32.006.926.895	19.431.806.994
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	94.976.003.717	97.458.192.307
- Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	62.969.076.822	78.026.385.313
Thu phí quản lý từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	4.105.778.066	200.658.076
Các khoản khác	49.467.503.943	44.926.507.243
	85.580.208.904	64.558.972.313

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Khấu hao bất động sản đầu tư	3.966.260.388	3.966.260.388
Các khoản khác	3.078.368.369	3.650.518.037
	7.044.628.757	7.616.778.425

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại	9.480.468.342	9.968.804.068
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	45.571.584	50.077.221
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.526.039.926	10.018.881.289
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	33.972.393.656	43.611.271.509
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	13.429.948.054	1.701.474.251
<i>Lỗ tại các công ty con</i>	950.415.995	1.201.371.062
<i>Lợi thế thương mại phân bổ trong năm</i>	5.013.972.392	5.013.972.389
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	4.212.539.154	2.926.560.371
<i>Thu nhập thanh lý công ty con đã quyết toán thuế 2014</i>	-	(10.535.000.000)
<i>Các chi phí không được trừ</i>	3.253.020.513	3.094.570.429
Thu nhập chịu thuế	47.402.341.710	45.312.745.760
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm	9.480.468.342	9.968.804.068
Truy thu thuế TNDN năm trước	45.571.584	50.077.221
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.526.039.926	10.018.881.289
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(890.040.242)	3.911.599.114
	8.635.999.684	13.930.480.403

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	23.237.449.976	28.727.936.690
-Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	(3.000.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	23.237.449.976	25.727.936.690
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phần)	47.365.332	47.365.332
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	491	543

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định lại là 543 VND (số đã trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 604 VND).

Trong năm, Công ty chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban Tổng Giám đốc năm 2016 nên không có điều chỉnh giảm tương ứng phần lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tương tự như năm 2015.

37. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các bên liên quan ký các hợp đồng mua bán cổ phần với một cá nhân. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, sổ đăng ký cổ đông của Công ty không thể hiện sự thay đổi về cổ đông liên quan tới giao dịch này. Công ty đã nhận được Thông báo số 114/TB-TLVA ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án liên quan đến tranh chấp phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Sự kiện này hình thành khoản công nợ tiềm tàng về khoản phạt đối với Công ty. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ một khoản công nợ phải trả nào có thể có liên quan đến sự kiện này.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải TỐC HÀNH Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Deluxe Taxi	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Gia Định	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Sóc Trăng	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Lào Cai	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Mai Linh Đồng Nai	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Mai Linh Nha Trang	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Nam Bộ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Hành khách Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	Cùng tập đoàn
Nhóm công ty đồng chủ tịch (là những công ty do ông Hồ Huy, Hồ Chương làm chủ tịch, nhưng không thuộc đơn vị thành viên của Tập đoàn)	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	247.059.525.114	94.823.527.059
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	228.102.946.714	69.069.209.413
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	-	654.408.604
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	18.904.601.763	25.084.755.316
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	2.575.365	15.153.726
Công ty Cổ phần Mai Linh Gia Định	41.337.636	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	2.154.545	-
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Hành khách Mai Linh	5.909.091	-
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	64.742.329.498	53.268.341.064
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	58.106.033.200	44.945.935.577
Công ty cổ phần TM và Đầu tư H.H&T	3.545.454.550	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	2.970.154.403	6.093.721.427
Công Ty Cổ phần TM DV Thiết Kế và In Bao Bì Năng Động	116.001.981	31.579.012
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Hành khách Mai Linh	4.685.364	-
Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	-	19.088.200
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	-	2.119.436.848
Công ty TNHH Kiểm định đồng hồ Sài Gòn taxi	-	58.580.000
Doanh thu tài chính	768.300.000	4.111.263.366
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	-	2.810.995.070
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	491.400.000	491.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	252.000.000	240.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	24.900.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	568.868.296

Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc:

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	4.416.728.794	4.263.920.741
	4.416.728.794	4.263.920.741

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khác	398.976.134.054	401.262.076.386
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	333.124.084.880	338.192.073.411
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	21.445.308.556	21.187.108.556
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	10.637.024.788	10.652.024.788
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	4.983.833.034
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	25.516.220.243	25.024.820.243
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	1.138.016.129	1.138.016.129
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	793.035.651	2.890.061
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hồ Huy	607.600.000	-
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	374.736.581	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	192.774.192	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Nam Bộ	163.500.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	67.514.144
Công ty TNHH Mai Linh Đồng Nai	-	11.825.020
Công ty TNHH MTV Mai Linh Sóc Trăng	-	1.771.000
Công ty TNHH Mai Linh Huế	-	200.000
Cho vay ngắn hạn	14.650.000.000	17.650.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	5.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	3.500.000.000
Cho vay dài hạn	48.215.000.000	48.215.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	3.419.300.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	1.519.300.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	1.900.000.000	-

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khác	16.895.712.006	58.322.140.252
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	6.594.397.744	6.434.780.063
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	7.488.577.779	51.387.838.839
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	2.427.272.730	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	149.202.038	26.022.000
Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	130.711.350	386.828.520
Công ty TNHH Mai Linh Nha Trang	52.892.500	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Lào Cai	52.657.865	-
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Hành khách Mai Linh	-	81.860.200
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	-	4.810.630
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.546.000.000	18.546.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	16.626.000.000	16.626.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	1.920.000.000

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 27.884.589.000 VND, là số cổ tức đã được bù trừ công nợ trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 22.547.629.668 VND (năm 2015: 49.476.553.000 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 13 tháng 3 năm 2017, Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận việc lưu ký 48.625.332 cổ phiếu (Bốn mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi hai cổ phiếu) của cổ đông hiện hữu với mã chứng khoán là MLN.


Nguyễn Thị Thùy
 Người lập biểu


Vũ Hoài Đức
 Phó Tổng Giám đốc/
 Kế toán trưởng




Hồ Quốc Phi
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017